

CHIII TRÊN

Chọn một trả lời phù hợp nhất

11. Chi tiết nào sau đây thuộc xương vai?
- A. Môm quạ
 - B. Củ nón
 - C. Củ lớn
 - D. Cổ phẫu thuật
 - E. Lõi củ đen-ta.
12. Đầu ngoài của xương đòn khớp với
- A. Ổ chảo
 - B. Củ trên ổ chảo
 - C. Môm cùng vai
 - D. Môm quạ
 - E. Củ lớn xương cánh tay
13. Trong gãy xương do chấn thương, ở đầu trên xương cánh tay vị trí gãy thường gặp nhất là
- A. Củ bé
 - B. Củ lớn
 - C. Rãnh gian củ
 - D. Cổ giải phẫu
 - E. Cổ phẫu thuật
14. Chi tiết nào sau đây giúp ta định hướng Trong – Ngoài xương vai nhanh nhất?
- A. Gai vai.
 - B. Môm quạ
 - C. Hố dưới vai
 - D. Hố trên gai
 - E. Hố dưới gai.
15. Chi tiết nào sau đây ở mặt sau đầu dưới xương cánh tay ?
- A. Rãnh thần kinh quay
 - B. Hố vẹt
 - C. Hố khuỷu
 - D. Rãnh gian củ
 - E. Cổ phẫu thuật

16. ~~Củ nón~~ là một chi tiết giải phẫu trên

- A. Xương thang
- B. Xương quay
- C. Xương đòn
- D. Xương vai
- E. Xương trụ

17. Chi tiết nào sau đây ở thân xương cánh tay?

- A. Củ lớn
- B. Củ bé
- C. Rãnh gian củ
- D. Lồi củ đen-ta
- E. Ròng rọc

18. Chi tiết nào sau đây có thể giúp ta xác định chiều ~~trước~~ - sau của xương vai một cách nhanh và chính xác nhất?

- A. Ổ chảo
- B. Củ trên ổ chảo
- C. Củ dưới ổ chảo
- D. Khuyết vai
- E. Gai vai

19. Khuyết ròng rọc nằm ở

- A. Đầu trên xương trụ
- B. Đầu dưới xương trụ
- C. Đầu trên xương quay
- D. Đầu ngoài xương đòn
- E. Đầu dưới xương cánh tay

20. Đi trong rãnh thần kinh quay của xương cánh tay có thần kinh quay và

- A. Động mạch cánh tay
- B. Động mạch cánh tay sâu
- C. Động mạch quay
- D. Động mạch bên trụ trên
- E. Động mạch bên trụ dưới

21. Chi tiết nào sau đây ~~không~~ thuộc xương trụ?

- A. Mõm vẹt
- B. Mõm khuỷu
- C. Khuyết ròng rọc
- D. Khuyết trụ
- E. Khuyết quay

22. Về xương trụ, điều nào sau đây SAI?

- A. Dài hơn xương quay và nằm phía ngoài xương quay
- B. Mõm khuỷu nằm trong hố khuỷu khi khuỷu duỗi
- C. Mõm vẹt nằm trong hố vẹt khi khuỷu gấp
- D. Có khuyết ròng rọc khớp với ròng rọc xương cánh tay
- E. Có khuyết quay khớp với vành quay

23. Khi bàn tay làm động tác sấp - ngửa sẽ có sự tham gia của

- A. Khớp cánh tay quay, khớp quay - trụ trên
- B. Khớp cánh tay quay, khớp quay - trụ dưới
- C. Khớp cánh tay quay, khớp quay - trụ trên, khớp quay - trụ dưới
- D. Khớp cánh tay quay, khớp quay - trụ trên, khớp cổ tay - quay
- E. Khớp cánh tay quay, khớp quay - trụ dưới, khớp cổ tay - quay

24. Xương nào sau đây khớp với đầu dưới xương quay?

- A. Xương thuyền
- B. Xương cá
- C. Xương thang
- D. Xương móc
- E. Xương thể

25. Rãnh thần kinh trụ là một rãnh nằm ở

- A. Mặt sau thân xương cánh tay
- B. Giữa móm trên lồi cầu trong xương cánh tay và móm khuỷu xương trụ
- C. Giữa thân xương trụ và thân xương quay
- D. Mặt sau đầu dưới xương trụ
- E. Giữa đầu dưới xương trụ và đầu dưới xương quay

26. Các xương sau đây thuộc hàng trên xương cổ tay, ~~ngoại trừ~~

- A. Xương nguyệt
- B. Xương đậu
- C. Xương thang
- D. Xương tháp
- E. Xương thuyền

27. Ổ xương vai, diện khớp khớp với xương cánh tay có tên là

- A. Ổ chảo
- B. Hố ổ cối
- C. Ổ cối
- D. Hố dưới vai
- E. Diện nguyệt

28. Khi gãy thân xương cánh tay, thần kinh dễ bị tổn thương là

- A. Thần kinh giữa
- B. Thần kinh nách
- C. Thần kinh trụ
- D. Thần kinh cơ bì
- E. Thần kinh quay

29. Chi tiết nào sau đây thuộc xương quay?

- A. Móm vệt
- B. Khuyết quay
- C. Khuyết trụ
- D. Rãnh thần kinh quay
- E. Ròng rọc

30. Móm quạ là nơi bám của

- A. Đầu ngắn gân cơ nhị đầu cánh tay
- B. Đầu dài gân cơ nhị đầu cánh tay
- C. Đầu dài gân cơ tam đầu cánh tay
- D. Đầu trong gân cơ tam đầu cánh tay
- E. Đầu ngoài gân cơ tam đầu cánh tay

31. Các chi tiết sau đây thuộc xương quay, *ngoại trừ*

- A. Chòm quay
- B. Vành quay
- C. Móm trâm quay
- D. Rãnh thần kinh quay
- E. Lồi củ quay

32. Xương vai có các đặc điểm sau đây, *ngoại trừ*

- A. Bờ trong có móm quạ
- B. Bờ trên có khuyết vai
- C. Hố dưới vai nằm ở mặt sườn
- D. Gai vai liên tục với móm cùng vai
- E. Ổ chảo nằm ở góc ngoài

33. Xương quay khớp với các xương sau đây, *ngoại trừ*

- A. Xương cánh tay
- B. Xương thuyền
- C. Xương trụ
- D. Xương nguyệt
- E. Xương cả

34. Xương trụ có các đặc điểm sau, *ngoại trừ*:

- A. Đầu dưới to hơn đầu trên.
- B. Đầu trên có móm vệt và móm khuỷu.
- C. Đầu dưới khớp với xương thuyền
- D. Bờ sau có thể sờ được dưới da
- E. Bờ ngoài còn gọi là bờ gian cốt

35. Xương quay có đặc điểm:

- A. Dài hơn xương trụ
- B. Đầu dưới có chòm quay
- C. Đầu trên có lồi củ quay
- D. Bờ ngoài còn gọi là bờ gian cốt
- E. Đầu dưới khớp với xương thang và xương thê

36. Chi tiết nào sau đây ở đầu dưới xương quay?

- A. Chòm quay
- B. Móm trâm quay
- C. Lồi củ quay
- D. Vành quay
- E. Cổ xương quay

37. Ở rãnh gian củ xương cánh tay có thành phần nào đi qua?

- A. Đầu ngắn gân cơ nhị đầu cánh tay
- B. Đầu dài gân cơ nhị đầu cánh tay
- C. Cơ quạ cánh tay
- D. Cơ dưới đòn
- E. Đầu dài gân cơ tam đầu cánh tay

38. Củ trên ổ chảo xương vai là nơi bám của

- A. Cơ cánh tay
- B. Đầu ngắn gân cơ nhị đầu cánh tay
- C. Đầu dài gân cơ nhị đầu cánh tay
- D. Cơ quạ cánh tay
- E. Đầu dài gân cơ tam đầu cánh tay

39. Xương nào sau đây **không** thuộc nhóm xương cổ tay?

- A. Xương cả
- B. Xương móc
- C. Xương thê
- D. Xương hộp
- E. Xương thuyền

40. Lỗ củ quay là nơi bám của
- A. Gân cơ nhị đầu cánh tay
 - B. Gân cơ tam đầu cánh tay
 - C. Gân cơ cánh tay
 - D. Gân cơ cánh tay quay
 - E. Gân cơ gấp cổ tay quay dài

41. Khớp vai liên quan phía sau với
- A. Cơ dưới đòn
 - B. Cơ đen-ta
 - C. Cơ dưới vai
 - D. Cơ nhị đầu cánh tay
 - E. Cơ quạ cánh tay

42. Trong khớp khuỷu có
- A. Một khớp
 - B. Hai khớp
 - C. Ba khớp
 - D. Bốn khớp
 - E. Năm khớp

43. Dây chằng nào sau đây là dây chằng của khớp quay trụ trên?
- A. Dây chằng vòng
 - B. Dây chằng bên quay
 - C. Dây chằng bên trụ
 - D. Dây chằng trước
 - E. Dây chằng sau

44. Trong khớp vai, dây chằng nào là dây chằng khỏe nhất?
- A. Dây chằng nón
 - B. Dây chằng quạ - cánh tay
 - C. Dây chằng ổ chảo - cánh tay
 - D. Dây chằng cùng - đòn
 - E. Dây chằng quạ - đòn

45. Thành phần nào sau đây đi qua tam giác cánh tay tam đầu?
- A. Thần kinh quay
 - B. Thần kinh nách
 - C. Động mạch cánh tay *sâu*
 - D. Động mạch mũ cánh tay sau
 - E. Động mạch mũ cánh tay trước

46. Ở vùng nách, khi mới hình thành, thần kinh giữa ở phía
- A. Trong động mạch nách
 - B. Ngoài động mạch nách + *trc*
 - C. Sau động mạch nách
 - D. Trong tĩnh mạch nách
 - E. Sau tĩnh mạch nách

47. Ở vùng nách, lỗ tam giác cánh tay tam đầu được giới hạn bởi
- A. Cơ tròn bé, cơ tròn lớn, bờ ngoài xương vai
 - B. Cơ tròn bé, đầu dài cơ tam đầu cánh tay, xương cánh tay
 - C. Cơ tròn lớn, cơ lưng rộng, đầu dài cơ tam đầu cánh tay
 - D. Cơ tròn lớn, cơ lưng rộng, xương cánh tay
 - E. Cơ tròn lớn, đầu dài cơ tam đầu cánh tay, xương cánh tay

48. Ở vùng nách, lỗ tam giác vai tam đầu được giới hạn bởi
- A. Cơ tròn bé, cơ tròn lớn, bờ ngoài xương vai
 - B. Cơ tròn bé, cơ tròn lớn, đầu dài cơ tam đầu cánh tay
 - C. Cơ tròn bé, cơ tròn lớn, xương cánh tay
 - D. Cơ tròn lớn, cơ lưng rộng, xương cánh tay
 - E. Cơ tròn lớn, cơ lưng rộng, đầu dài cơ tam đầu cánh tay

49. Không nên thắt động mạch nách ở khoảng giữa:
- A. Động mạch ngực trên và động mạch cùng vai ngực
 - B. Động mạch ngực trên và động mạch ngực ngoài
 - C. Động mạch dưới vai và các động mạch mũ cánh tay
 - D. Động mạch ngực ngoài và động mạch dưới vai
 - E. Động mạch mũ cánh tay trước và động mạch mũ cánh tay sau

50. Thành phần nào sau đây đi qua lỗ tam giác vai tam đầu?
- A. Thần kinh quay
 - B. Động mạch cánh tay sâu
 - C. Động mạch mũ cánh tay sau
 - D. Động mạch mũ vai
 - E. Thần kinh ngực lưng

51. Ở vùng nách, thành phần nào sau đây đi qua lỗ tam giác cánh tay tam đầu?
- A. Thần kinh quay và động mạch cánh tay sâu
 - B. Thần kinh nách và động mạch cánh tay sâu
 - C. Thần kinh nách và động mạch mũ cánh tay sau
 - D. Thần kinh quay và động mạch mũ vai
 - E. Thần kinh giữa và động mạch cánh tay

52. Ở vùng nách, thành phần nào sau đây đi qua lỗ tứ giác?
 A. Thần kinh nách và động mạch cánh tay sâu
 B. Thần kinh nách và động mạch mũ cánh tay trước
 C. Thần kinh nách và động mạch mũ cánh tay sau
 D. Thần kinh quay và động mạch mũ vai
 E. Thần kinh giữa và động mạch cánh tay
53. Cơ nào sau đây tham gia tạo nên thành trước hố nách?
 A. Cơ răng trước
 B. Cơ trên gai
 C. Cơ dưới vai
 D. Cơ dưới gai
 E. Cơ dưới đòn
54. Về hố nách, câu nào sau đây SAI?
 A. Đỉnh hố nách nằm giữa xương đòn và xương sườn I
 B. Nền nách không có lớp cơ
 C. Thành trước của nách được tạo bởi cơ răng trước
 D. Thành trong của nách có các xương sườn
 E. Thành sau của nách có các cơ bám trên xương bả vai
55. Cơ nào sau đây nằm ở thành sau của nách?
 A. Cơ tròn lớn
 B. Cơ ngực lớn
 C. Cơ ngực bé
 D. Cơ dưới đòn
 E. Cơ răng trước
56. Thần kinh nào sau đây xuất phát từ bó trong đám rối cánh tay?
 A. Thần kinh trụ + bì cánh / cẳng tay
 B. Thần kinh nách
 C. Thần kinh cơ bì
 D. Thần kinh hoành
 E. Thần kinh quay
57. Khi mô tả, động mạch nách được chia thành ba đoạn dựa vào
 A. Cơ tam đầu cánh tay
 B. Cơ ngực lớn
 C. Cơ ngực bé
 D. Cơ tròn lớn
 E. Cơ tròn bé

bờ dưới cơ ngực lớn là ranh giới dm nách và dm cánh tay

58. Động mạch nào sau đây không phải là nhánh của động mạch nách?

A. Động mạch ngực trên
 B. Động mạch cùng vai ngực
 C. Động mạch ngực trong
 D. Động mạch dưới vai
 E. Động mạch ngực ngoài

3 đoạn:

1: ngực trên

2: ngực ngoài, cùng vai ngực

3: dưới vai, mũ cánh tay trước- sau

59. Thân trên đám rối thần kinh cánh tay được tạo bởi các thần kinh gai sống

A. Cổ IV, cổ V và cổ VI
 B. Cổ V, cổ VI và cổ VII
 C. Cổ VI, cổ VII và cổ VIII
 D. Cổ VII, cổ VIII và ngực I
 E. Cổ VIII, ngực I và ngực II

60. Thân giữa đám rối thần kinh cánh tay được tạo bởi

A. Nhánh trước của thần kinh gai sống cổ VI
 B. Nhánh trước của thần kinh gai sống cổ VII
 C. Nhánh trước của thần kinh gai sống cổ VIII
 D. Nhánh trước của thần kinh gai sống cổ VI và cổ VII
 E. Nhánh trước của thần kinh gai sống cổ VII và cổ VIII

61. Thân dưới đám rối thần kinh cánh tay được tạo bởi các thần kinh gai sống

A. Nhánh trước của thần kinh gai sống cổ IV và cổ V
 B. Nhánh trước của thần kinh gai sống cổ V và cổ VI
 C. Nhánh trước của thần kinh gai sống cổ VI và cổ VII
 D. Nhánh trước của thần kinh gai sống cổ VII và cổ VIII
 E. Nhánh trước của thần kinh gai sống cổ VIII và ngực I

62. Bó ngoài của đám rối thần kinh cánh tay cho các ngành cùng là

A. Thần kinh quay, thần kinh nách
 B. Thần kinh cơ bì, thần kinh trụ
 C. Rễ ngoài thần kinh giữa, thần kinh quay
 D. Rễ ngoài thần kinh giữa, thần kinh nách
 E. Rễ ngoài thần kinh giữa, thần kinh cơ bì

63. Ở đoạn dưới cơ ngực bé, động mạch nách liên quan phía ngoài với

A. Thần kinh giữa
 B. Thần kinh trụ
 C. Thần kinh quay
 D. Thần kinh nách
 E. Thần kinh bì cánh tay trong

64. Ở đoạn trên cơ ngực bé, động mạch nách cho nhánh bên là

- A. Động mạch ngực ngoài
- B. Động mạch cùng vai ngực *ngay dưới cơ ngực bé*
- C. Động mạch ngực trên
- D. Động mạch dưới vai
- E. Động mạch mũ cánh tay sau

65. Ở vòng nối quanh vai, nhánh nào sau đây của động mạch nách nối với nhánh của động mạch dưới đòn?

- A. Động mạch ngực trên
- B. Động mạch ngực ngoài
- C. Động mạch cùng vai ngực *quanh ngực*
- D. Động mạch dưới vai
- E. Động mạch mũ cánh tay trước

66. Cơ đen-ta được vận động bởi

- A. Thần kinh nách
- B. Thần kinh dưới vai
- C. Thần kinh ngực lưng
- D. Các nhánh ngang cổ của đám rối cổ
- E. Các nhánh trên đòn của đám rối cổ

67. Thần kinh nào sau đây tách từ bó ngoài đám rối cánh tay?

- A. Thần kinh nách
- B. Thần kinh cơ bì
- C. Thần kinh ngực lưng
- D. Thần kinh quay
- E. Thần kinh trụ

68. Thần kinh nào sau đây tách từ bó sau đám rối cánh tay?

- A. Thần kinh nách
- B. Thần kinh giữa
- C. Thần kinh bì cẳng tay sau
- D. Thần kinh bì cánh tay trong
- E. Thần kinh bì cẳng tay trong

69. Các thành phần sau đây tách từ bó trong của của đám rối thần kinh cánh tay, ngoại trừ:

- A. Rễ trong thần kinh giữa
- B. Thần kinh bì cánh tay trong
- C. Thần kinh bì cẳng tay trong
- D. Thần kinh quay
- E. Thần kinh trụ

70. Động mạch nào sau đây không tham gia vào vòng nối quanh móm trên lồng cầu ngoài xương cánh tay?

- A. Động mạch quặt ngược trụ
- B. Động mạch bên giữa
- C. Động mạch bên quay
- D. Động mạch quặt ngược gian cốt
- E. Động mạch quặt ngược quay

71. Động mạch nào sau đây không tham gia vào vòng nối quanh ngực?

- A. Động mạch ngực ngoài
- B. Động mạch cùng vai ngực
- C. Động mạch ngực lưng *ngay ở phía sau*
- D. Động mạch gian sườn trên
- E. Động mạch ngực trong

72. Vị trí nào sau đây trên động mạch nách được khuyến không nên thắt để cầm máu khi phẫu thuật?

- A. Đoạn từ bờ dưới xương đòn đến nơi xuất phát của động mạch cùng vai ngực
- B. Đoạn từ động mạch cùng vai ngực đến nơi xuất phát của động mạch ngực ngoài
- C. Đoạn từ động mạch ngực ngoài đến nơi xuất phát của động mạch dưới vai
- D. Đoạn từ động mạch dưới vai đến nơi xuất phát động mạch mũ cánh tay trước
- E. Đoạn từ động mạch mũ cánh tay trước đến nơi xuất phát động mạch mũ cánh tay sau

73. Động mạch cánh tay sâu có các đặc điểm sau đây, ngoại trừ:

- A. Là một nhánh của động mạch cánh tay
- B. Chui qua lỗ tam giác vai tam đầu *cánh tay tam đầu*
- C. Đi trong rãnh thần kinh quay cùng với thần kinh quay
- D. Có hai nhánh tận là động mạch bên giữa và động mạch bên quay
- E. Không cho nhánh nối với động mạch quặt ngược trụ

74. Thành sau ống cánh tay được giới hạn bởi

- A. Da và tổ chức dưới da *trong*
- B. Xương cánh tay
- C. Cơ tam đầu cánh tay *ngoài: 3 cơ cánh tay tr*
- D. Vách gian cơ ngoài
- E. Vách gian cơ trong

75. Thành trong ống cánh tay được giới hạn bởi
- A. Cơ nhị đầu cánh tay
 - B. Mạc nông, da và tổ chức dưới da
 - C. Cơ tam đầu cánh tay
 - D. Vách gian cơ trong
 - E. Xương cánh tay
76. Thành trước ống cánh tay được giới hạn bởi
- A. Các cơ vùng cánh tay trước
 - B. Đầu trong cơ tam đầu cánh tay
 - C. Vách gian cơ trong
 - D. Vách gian cơ ngoài
 - E. Xương cánh tay
77. Thành phần nào sau đây không đi trong ống cánh tay?
- A. Động mạch cánh tay
 - B. Động mạch cánh tay sâu
 - C. Tĩnh mạch cánh tay
 - D. Thần kinh giữa
 - E. Thần kinh trụ
78. Thần kinh nào sau đây đi xuyên qua cơ quạ cánh tay?
- A. Thần kinh quay
 - B. Thần kinh giữa
 - C. Thần kinh cơ bì
 - D. Thần kinh trụ
 - E. Thần kinh nách.
79. Thành phần nào sau đây không tham gia tạo nên các thành ống cánh tay?
- A. Các cơ vùng cánh tay trước
 - B. Da và tổ chức dưới da
 - C. Mạc nông
 - D. Vách gian cơ trong
 - E. Vách gian cơ ngoài
80. Động mạch nách đổi tên thành động mạch cánh tay khi
- A. Đi qua khỏi khe sườn đòn
 - B. Đến ngang củ dưới ổ chảo xương vai
 - C. Đến ngang mức cổ phẫu thuật xương cánh tay
 - D. Đến bờ trên cơ ngực lớn
 - E. Đến bờ dưới cơ ngực lớn

81. Thành phần nào sau đây luôn đi phía trong động mạch nách?
- A. Thần kinh giữa
 - B. Thần kinh nách
 - C. Bó trong đám rối thần kinh cánh tay
 - D. Tĩnh mạch nách
 - E. Thần kinh giữa và tĩnh mạch nách
82. Cơ nào sau đây góp phần tạo nên thành trong của nách?
- A. Cơ dưới đòn
 - B. Cơ ngực lớn
 - C. Cơ răng trước
 - D. Cơ ngực bé
 - E. Cơ quạ cánh tay
83. Các cơ sau đây ở thành sau của nách, ngoại trừ
- A. Cơ bậc thang sau
 - B. Cơ dưới vai
 - C. Cơ dưới gai
 - D. Cơ tròn lớn.
 - E. Cơ tròn bé
84. Động mạch nách cho các nhánh bên sau đây, ngoại trừ
- A. Động mạch ngực trên
 - B. Động mạch cùng vai ngực
 - C. Động mạch ngực ngoài
 - D. Động mạch vai xuống
 - E. Động mạch dưới vai
85. Đám rối thần kinh cánh tay được tạo bởi:
- A. Nhánh trước các thần kinh gai sống cổ 4 đến ngực 1
 - B. Nhánh trước các thần kinh gai sống cổ 4 đến cổ 8
 - C. Nhánh trước các thần kinh gai sống cổ 5 đến ngực 2
 - D. Nhánh trước các thần kinh gai sống cổ 6 đến ngực 2
 - E. Nhánh trước các thần kinh gai sống cổ 4 đến ngực 3.
86. Động mạch nách có đặc điểm sau đây, ngoại trừ:
- A. Là động mạch dưới đòn đổi tên sau khi đi qua khe sườn đòn.
 - B. Chia làm ba đoạn dựa vào cơ ngực bé.
 - C. Đổi tên khi đến bờ dưới cơ ngực lớn.
 - D. Cho một trong những nhánh bên là động mạch ngực trong.
 - E. Cho nhánh nối với động mạch dưới đòn và động mạch cánh tay.

87. Ở cánh tay, thần kinh nào sau đây bắt chéo động mạch cánh tay từ ngoài vào trong?

- A. Thần kinh bì cánh tay trong
- B. Thần kinh bì cẳng tay trong
- C. Thần kinh nách
- D. Thần kinh giữa
- E. Thần kinh trụ

88. Động mạch nào sau đây là nhánh bên của động mạch cánh tay?

- A. Động mạch quay
- B. Động mạch bên quay
- C. Động mạch bên giữa
- D. Động mạch trụ
- E. Động mạch cánh tay sâu

89. Ở vòng nối quanh khuỷu, động mạch bên giữa nối với

- A. Động mạch bên quay
- B. Động mạch bên trụ trên
- C. Động mạch quặt ngược gian cốt
- D. Động mạch quặt ngược quay
- E. Động mạch quặt ngược trụ

90. Ở vòng nối quanh khuỷu, động mạch bên quay nối với

- A. Động mạch quặt ngược trụ
- B. Động mạch quặt ngược quay
- C. Động mạch bên trụ trên
- D. Động mạch bên trụ dưới
- E. Động mạch quặt ngược gian cốt

91. Ở vòng nối quanh khuỷu, động mạch bên trụ dưới nối với

- A. Động mạch quặt ngược trụ
- B. Động mạch bên giữa
- C. Động mạch bên quay
- D. Động mạch quặt ngược gian cốt
- E. Động mạch quặt ngược quay

92. Mô tả về mạch máu và thần kinh vùng khuỷu, câu nào sau đây SAI?

- A. Nhánh nông thần kinh quay đi ở rãnh nhị đầu ngoài
- B. Thần kinh giữa đi ở rãnh nhị đầu trong
- C. Động mạch cánh tay đi ở rãnh nhị đầu trong
- D. Thần kinh trụ đi phía sau móm trên lồi cầu trong xương cánh tay
- E. Thần kinh giữa đi phía ngoài động mạch cánh tay

93. Ở vùng khuỷu:

- A. Thần kinh trụ đi ở rãnh nhị đầu trong cùng động mạch trụ
- B. Nhánh sâu thần kinh quay đi ở rãnh nhị đầu ngoài
- C. Động mạch bên quay nối với động mạch quặt ngược quay
- D. Động mạch bên giữa nối với động mạch bên trụ trên
- E. Động mạch cánh tay sâu đi ở rãnh nhị đầu trong

94. Về mạch và thần kinh vùng khuỷu, câu nào sau đây ĐÚNG?

- A. Động mạch cánh tay đi ở rãnh nhị đầu ngoài
- B. Thần kinh trụ đi ở phía sau móm trên lồi cầu ngoài
- C. Thần kinh giữa nằm phía trong động mạch cánh tay
- D. Nhánh nông thần kinh quay đi ở rãnh nhị đầu trong
- E. Nhánh sâu thần kinh quay đi cùng động mạch quay

95. Ở vùng cẳng tay trước có tám cơ xếp thành ba lớp, cơ nào sau đây thuộc lớp giữa?

- A. Cơ gấp các ngón nông
- B. Cơ gấp các ngón sâu
- C. Cơ gấp ngón cái dài
- D. Cơ gấp cổ tay trụ
- E. Cơ gấp cổ tay quay

96. Cơ nào sau đây được vận động bởi thần kinh quay?

- A. Cơ sấp tròn
- B. Cơ gấp cổ tay quay
- C. Cơ sấp vuông
- D. Cơ gan tay dài
- E. Cơ ngửa

97. Ở cẳng tay, thần kinh gian cốt sau là nhánh của

- A. Thần kinh giữa
- B. Thần kinh cơ bì
- C. Thần kinh trụ
- D. Thần kinh quay
- E. Thần kinh bì cẳng tay sau

98. Chọn câu ĐÚNG:

- A. Động mạch gian cốt chung là nhánh của động mạch quay
- B. Cơ tùy hành của động mạch trụ là cơ duỗi cổ tay trụ
- C. Động mạch trụ bắt được dễ dàng ở cổ tay
- D. Thần kinh gian cốt trước là nhánh của thần kinh giữa
- E. Thần kinh gian cốt sau là nhánh của thần kinh trụ

99. Cơ nào sau đây nằm ở lớp sâu vùng cẳng tay sau?

- A. Cơ gan tay dài
- B. Cơ gấp cổ tay quay
- C. Cơ dạng ngón cái dài
- D. Cơ duỗi cổ tay quay dài
- E. Cơ duỗi các ngón

100. Các cơ sau đây thuộc vùng cẳng tay, ngoại trừ:

- A. Cơ sấp vuông
- B. Cơ duỗi các ngón
- C. Cơ gan tay dài
- D. Cơ gấp các ngón sâu
- E. Cơ khép ngón cái

101. Mô tả mạch máu và thần kinh ở vùng cẳng tay trước, câu nào sau đây SAI?

- A. Thần kinh giữa đi phía sau cơ gấp các ngón nông
- B. Thần kinh trụ đi phía trong động mạch trụ
- C. Nhánh nông thần kinh quay đi phía ngoài động mạch quay
- D. Cơ gấp cổ tay quay là cơ tùy hành của động mạch quay
- E. Động mạch trụ cho nhánh động mạch gian cốt chung

102. Động mạch bên trụ dưới là nhánh bên của

- A. Động mạch bên quay
- B. Động mạch bên giữa
- C. Động mạch bên trụ trên
- D. Động mạch cánh tay
- E. Động mạch cánh tay sâu

103. Thành phần nào sau đây không nằm trong ống cổ tay?

- A. Thần kinh giữa
- B. Thần kinh trụ
- C. Gân gấp ngón cái dài
- D. Gân gấp các ngón nông
- E. Gân gấp các ngón sâu

104. Các cơ sau đây được vận động bởi thần kinh quay, ngoại trừ:

- A. Cơ dạng ngón cái dài
- B. Cơ dạng ngón cái ngắn
- C. Cơ duỗi ngón cái dài
- D. Cơ duỗi ngón cái ngắn
- E. Cơ duỗi cổ tay quay ngắn

105. Chọn câu đúng

- A. Động mạch cánh tay sâu chui qua lỗ tam giác vai tam đầu.
- B. Thần kinh cơ bì vận động tất cả các cơ vùng cánh tay
- C. Thần kinh giữa vận động tất cả các cơ vùng cẳng tay trước
- D. Thần kinh trụ không đi trong ống cánh tay
- E. Thần kinh quay cho nhánh thần kinh gian cốt sau

106. Về thần kinh giữa, điểm nào sau đây SAI?

- A. Không cho nhánh ở vùng cánh tay
- B. Khi đến khuỷu, đi phía ngoài động mạch cánh tay
- C. Tham gia vận động các cơ vùng cẳng tay trước
- D. Khi xuống bàn tay, đi phía sau mạc giữ gân gấp
- E. Ở bàn tay cho nhánh vận động lằn cẳng giác

107. Các cơ sau đây được vận động bởi thần kinh trụ, ngoại trừ:

- A. Cơ duỗi cổ tay trụ
- B. Cơ gấp cổ tay trụ
- C. Cơ gan tay ngắn
- D. Cơ dạng ngón út
- E. Cơ khép ngón cái

108. Ở vùng cẳng tay trước, thần kinh trụ vận động cho cơ gấp cổ tay trụ và

- A. Cơ sấp tròn
- B. Cơ sấp vuông
- C. Cơ gan tay dài
- D. Nửa trong cơ gấp các ngón nông
- E. Nửa trong cơ gấp các ngón sâu

109. Động mạch trụ có các đặc điểm sau đây, ngoại trừ

- A. Là một trong hai nhánh cùng của động mạch cánh tay
- B. Ở cẳng tay, đi phía trong thần kinh trụ
- C. Đến bàn tay, đi phía trước mạc giữ gân gấp
- D. Là động mạch chính tạo nên cung gan tay nông
- E. Cho nhánh nối với động mạch quay

110. Cảm giác vùng cẳng tay sau được chi phối bởi

- A. Thần kinh bì cẳng tay trong, thần kinh quay, thần kinh cơ bì
- B. Thần kinh bì cẳng tay trong, thần kinh quay, thần kinh trụ
- C. Thần kinh quay, thần kinh trụ, thần kinh cơ bì
- D. Thần kinh quay, thần kinh trụ, thần kinh giữa
- E. Thần kinh cơ bì, thần kinh trụ, thần kinh giữa

111. Mô tả về các cơ vùng cẳng tay sau, câu nào sau đây SAI?

- A. Có số cơ nhiều hơn vùng cẳng tay trước
- B. Hầu hết có nguyên ủy ở móm trên lõi cầu ngoài xương cánh tay
- C. Được chia thành hai lớp: lớp nông và lớp sâu
- D. Động tác chính là duỗi cổ tay và các ngón tay, dạng ngón tay giữa bàn tay
- E. Được vận động bởi thần kinh quay và thần kinh cơ bì

112. Cơ nào sau đây giới hạn ngoài của rãnh nhị đầu ngoài?

- A. Cơ sấp tròn
- B. Cơ nhị đầu cánh tay
- C. Cơ cánh tay
- D. Cơ cánh tay quay
- E. Cơ quạ cánh tay

gh fong: gân cơ nhị đầu

113. Ở vùng khuỷu trước, cơ nào sau đây nằm giữa rãnh nhị đầu ngoài và rãnh nhị đầu trong?

- A. Cơ sấp tròn
- B. Cơ nhị đầu cánh tay
- C. Cơ quạ cánh tay
- D. Cơ cánh tay quay
- E. Cơ gấp cổ tay trụ.

114. Thần kinh quay không vận động cho

- A. Cơ dạng ngón cái dài
- B. Cơ duỗi ngón cái ngắn
- C. Cơ gấp ngón cái ngắn
- D. Cơ duỗi ngón cái dài
- E. Cơ duỗi cổ tay quay dài

115. Cơ tùy hành của động mạch trụ là

- A. Cơ duỗi cổ tay trụ
- B. Cơ gấp cổ tay trụ
- C. Cơ sấp tròn
- D. Cơ gấp các ngón nông
- E. Cơ gấp cổ tay quay

116. Cơ tùy hành của động mạch quay là

- A. Cơ gấp cổ tay quay
- B. Cơ duỗi cổ tay quay dài
- C. Cơ duỗi cổ tay quay ngắn
- D. Cơ cánh tay quay
- E. Cơ gan tay dài

117. Cơ nào sau đây không có ở vùng cẳng tay trước?

- A. Cơ gấp ngón cái dài
- B. Cơ gấp cổ tay quay
- C. Cơ khuỷu
- D. Cơ sấp vuông
- E. Cơ gan tay dài

118. Cơ nào sau đây thuộc nhóm ngoài lớp nông vùng cẳng tay sau?

- A. Cơ duỗi cổ tay quay ngắn
- B. Cơ duỗi ngón cái ngắn
- C. Cơ duỗi ngón trỏ
- D. Cơ dạng ngón cái dài
- E. Cơ duỗi ngón cái dài

lớp nông - ngoài là phải có khuỷu quay. còn lại là các + trỏ + giữa còn lại là nông - sau

119. Các cơ vùng cẳng tay trước được vận động bởi

- A. Thần kinh quay và thần kinh trụ
- B. Thần kinh quay và thần kinh giữa
- C. Thần kinh giữa và thần kinh trụ
- D. Thần kinh giữa và thần kinh cơ bì
- E. Thần kinh trụ và thần kinh cơ bì

120. Động tác gấp khuỷu có thể không thực hiện được trong trường hợp tổn thương

- A. Thần kinh quay
- B. Thần kinh nách
- C. Thần kinh giữa
- D. Thần kinh trụ
- E. Thần kinh cơ bì

121. Tổn thương thần kinh nào sau đây có thể làm bệnh nhân không duỗi được cổ tay?

- A. Thần kinh quay
- B. Thần kinh cơ bì
- C. Thần kinh giữa
- D. Thần kinh nách
- E. Thần kinh trụ

122. Ở bàn tay, cơ nào sau đây có hai đầu: đầu ngang và đầu chéo?

- A. Cơ gấp ngón cái ngắn
- B. Cơ đối ngón cái
- C. Cơ khép ngón cái
- D. Cơ đối ngón út
- E. Cơ gấp ngón út ngắn

123. Ở bàn tay, cơ nào sau đây có hai đầu: đầu nông và đầu sâu?
- Cơ dạng ngón út
 - Cơ gấp ngón út ngắn
 - Cơ dạng ngón cái
 - Cơ gấp ngón cái ngắn
 - Cơ đối ngón cái
124. Thần kinh nào sau đây điều khiển động tác sấp bàn tay?
- Thần kinh quay
 - Thần kinh trụ
 - Thần kinh giữa
 - Thần kinh cơ bì
 - Thần kinh bì căng tay trong
125. Các cơ sau đây được vận động bởi thần kinh giữa, ngoại trừ:
- Cơ sấp tròn
 - Cơ gan tay dài
 - Cơ gấp các ngón nông
 - Cơ gấp cổ tay quay
 - Cơ khép ngón cái TK trụ
126. Các cơ sau đây được vận động bởi thần kinh quay, ngoại trừ:
- Cơ cánh tay quay
 - Cơ cánh tay TK cơ bì
 - Cơ duỗi cổ tay quay dài
 - Cơ duỗi cổ tay quay ngắn
 - Cơ dạng ngón cái dài
127. Các cơ sau đây được vận động bởi thần kinh trụ, ngoại trừ:
- Cơ gan tay ngắn
 - Cơ đối ngón út
 - Cơ gấp ngón út ngắn
 - Cơ đối ngón cái
 - Cơ khép ngón cái
128. Ở bàn tay, thần kinh trụ có các đặc điểm sau đây, ngoại trừ:
- Đi vào bàn tay giữa xương đậu và xương móc
 - Chia làm hai nhánh: nhánh nông và nhánh sâu
 - Cho nhánh nối với thần kinh giữa
 - Vận động tất cả các cơ của bàn tay
 - Phân phối cảm giác cho một ngón rưỡi bên trong

129. Về thần kinh giữa ở bàn tay, điều nào sau đây SAI?
- Đi phía sau mạc giữ gân gấp
 - Đi phía trước cân gan tay
 - Chi phối cảm giác ba ngón rưỡi ngoài mặt gan tay
 - Cho nhánh nối với thần kinh trụ
 - Vận động cơ giun 1 và cơ giun 2
130. Nói về động mạch quay ở vùng bàn tay, điều nào sau đây SAI?
- Là nhánh chính tạo nên cung gan tay nông
 - Đi vào gan tay giữa hai xương đốt bàn I và II
 - Chui qua giữa hai đầu của cơ khép ngón cái
 - Cho nhánh động mạch quay ngón trỏ
 - Nối với nhánh gan tay sâu của động mạch trụ
131. Thành phần nào sau đây không nằm trong ống cổ tay?
- Gân cơ gấp cổ tay trụ
 - Gân gấp các ngón nông
 - Gân cơ gan tay dài
 - Gân gấp các ngón sâu
 - Gân gấp ngón cái dài
132. Trong trường hợp đứt gân gấp các ngón sâu ở bàn tay, động tác nào sau đây có thể không thực hiện được?
- Gấp đốt gần ngón tay
 - Gấp đốt giữa ngón tay
 - Gấp đốt xa ngón tay
 - Gấp cổ tay
 - Gấp đốt xa ngón cái.
133. Cung động mạch gan tay nông được tạo bởi:
- Động mạch trụ và động mạch quay ngón trỏ
 - Động mạch trụ và nhánh gan tay nông của động mạch quay
 - Động mạch quay và nhánh gan cổ tay của động mạch trụ
 - Động mạch trụ và nhánh gan cổ tay của động mạch quay
 - Động mạch trụ và động mạch ngón cái chính
134. Cung động mạch gan tay sâu được tạo bởi:
- Động mạch trụ và động mạch gian cốt trước
 - Động mạch trụ và động mạch quay ngón trỏ
 - Động mạch quay và động mạch gian cốt trước
 - Động mạch quay và nhánh gan tay sâu của động mạch trụ
 - Động mạch trụ và nhánh gan cổ tay của động mạch quay

135. Động mạch quay ngón trỏ xuất phát từ

- A. Động mạch quay
- B. Cung gan tay nông
- C. Động mạch trụ
- D. Cung gan tay sâu
- E. Động mạch gian cốt trước

136. Ở bàn tay, động mạch ngón cái chính là nhánh của

- A. Động mạch gian cốt trước
- B. Động mạch gian cốt sau
- C. Cung gan tay nông
- D. Cung gan tay sâu
- E. Động mạch quay

Dùng các chọn lựa sau đây để trả lời bốn câu liên tiếp bên dưới. Mỗi chọn lựa có thể được dùng cho một câu, nhiều câu hoặc không được dùng:

- A. Thần kinh giữa
- B. Thần kinh trụ
- C. Thần kinh cơ bì
- D. Thần kinh nách
- E. Thần kinh quay

137. Chui qua lỗ từ giác. *D*

138. Vận động nửa trong cơ gấp các ngón sâu. *B*

139. Chia hai nhánh, một đi ở mặt trước, một đi ở mặt sau cẳng tay. *E*

140. Bắt chéo động mạch cánh tay từ ngoài vào trong. *A*

Năm câu liên tiếp sau đây là những câu chọn tập hợp, hãy chọn:

- A. Nếu 1, 2, 3 đúng
- B. Nếu 1, 3 đúng
- C. Nếu 2, 4 đúng
- D. Nếu chỉ có 4 đúng
- E. Nếu tất cả đúng

141. Xương vai:

- 1. Xương vai là một xương dẹt
- 2. Gai vai ở mặt sau xương vai
- 3. Hố dưới vai ở mặt trước xương vai
- 4. Khuyết vai nằm ở góc ngoài xương vai

142. Xương cánh tay:

- 1. Chỏm xương cánh tay nằm ở đầu trên xương cánh tay
- 2. Cổ giải phẫu là điểm yếu nhất của xương cánh tay
- 3. Lồi của đen-ta là nơi bám của cơ đen-ta
- 4. Rãnh thần kinh quay nằm mặt ngoài thân xương cánh tay

143. Thần kinh quay:

- 1. Tách từ bó sau đám rối thần kinh cánh tay ✓
- 2. Đi qua lỗ tam giác bả vai tam đầu *cánh tay*
- 3. Chi phối cảm giác vùng cánh tay sau ✓
- 4. Vận động các cơ vùng cánh tay

144. Thần kinh trụ:

- 1. Tách từ bó ngoài đám rối thần kinh cánh tay *trung*
- 2. Đi trong rãnh nhị đầu trong ở vùng khuỷu *trụ*
- 3. Không có vai trò cảm giác
- 4. Vận động cơ gấp cổ tay trụ và nửa trong cơ gấp các ngón sâu

145. Thần kinh giữa:

- 1. Tách từ bó sau đám rối thần kinh cánh tay
- 2. Bắt chéo động mạch cánh tay từ trong ra ngoài *ngoài → trung*
- 3. Vận động tất cả các cơ vùng cẳng tay trước *có trụ nữa*
- 4. Ở bàn tay, đi phía sau mạc giữ gân gấp

Năm câu liên tiếp sau là câu liên quan nhân quả, hãy chọn:

- A. Nếu (I) đúng, (II) đúng, (I) và (II) có liên quan nhân quả
- B. Nếu (I) đúng, (II) đúng, (I) và (II) không liên quan nhân quả
- C. Nếu (I) đúng, (II) sai
- D. Nếu (I) sai, (II) đúng
- E. Nếu (I) sai, (II) sai

146. (I): Khớp vai có biên độ cử động lớn, vì:

(II): Chỏm xương cánh tay nhỏ hơn ổ chảo xương vai

147. (I): Trong trường hợp trật khớp vai, chỏm xương cánh tay thường trật ra trước và vào trong, vì:

(II): Chỗ yếu nhất của bao khớp nằm ở phía trước

148. (I): Khi té trong tư thế chống bàn tay xuống đất, xương quay thường dễ gãy hơn xương trụ, vì:

(II): Xương quay dài hơn xương trụ

149. (I): Thần kinh quay có thể bị tổn thương khi gãy thân xương cánh tay;
vi;
A (II): Thần kinh quay đi trong rãnh thần kinh quay xương cánh tay
150. (I): Khi té trong tư thế chống bàn tay xuống đất thì đầu dưới xương
thường dễ gãy hơn đầu dưới xương quay vì;
(II): Đầu dưới xương trụ nhỏ hơn đầu dưới xương quay.